

Số: 233 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Bộ Giao thông vận tải**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, VP (KSTTHC).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Xuân Sang

Phụ lục

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ TRONG
LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ KIỂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 233 /QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 03 năm 2024

của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

| STT | Số hồ sơ TTHC | Tên TTHC | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung | Cơ quan thực hiện |
|---|---------------|--|---|------------------------|
| I. Thủ tục hành chính do trung ương giải quyết | | | | |
| 1 | 1.004296 | Cấp Giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển theo Bộ luật Quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển (Bộ luật ISPS) | Thông tư số 03/2024/TT-BGTVT ngày 21/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2011/TT-BGTVT ngày 14 tháng 04 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về Áp dụng sửa đổi, bổ sung năm 2002 của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974 ban hành kèm theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển. | Cục Đăng kiểm Việt Nam |
| 2 | 1.004281 | Phê duyệt kế hoạch an ninh tàu biển theo Bộ luật Quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển (Bộ luật ISPS) | | Cục Đăng kiểm Việt Nam |

PHẦN II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BÃI BỎ

| STT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ | Cơ quan thực hiện |
|---|---------------|--|---|------------------------|
| I. Thủ tục hành chính do trung ương giải quyết | | | | |
| 1 | 1.004275 | Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ sĩ quan an ninh tàu, cán bộ an ninh công ty | Thông tư số 03/2024/TT-BGTVT ngày 21/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2011/TT-BGTVT ngày 14 tháng 04 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về Áp dụng sửa đổi, bổ sung năm 2002 của Công ước | Cục Đăng kiểm Việt Nam |

| | | | | |
|--|--|--|---|--|
| | | | quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974 ban hành kèm theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển. | |
|--|--|--|---|--|

PHẦN III. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CÔNG BỐ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Cấp Giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển (Bộ luật ISPS)

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Công ty tàu biển nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển cho Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ; nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì trong 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, hướng dẫn cho Công ty tàu biển để hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ đầy đủ, trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, thống nhất thời gian và địa điểm đánh giá theo yêu cầu của Công ty tàu biển.

- Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành đánh giá hệ thống an ninh tàu biển tại tàu.

- Sau khi hoàn thành đánh giá, nếu hệ thống an ninh tàu không đáp ứng yêu cầu của Bộ luật ISPS thì thông báo cho Công ty tàu biển để khắc phục; nếu đáp ứng thì chậm nhất sau 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành đánh giá, Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp Giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển theo mẫu.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc

- Qua hệ thống bưu chính.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- 01 (một) bản chính Giấy đề nghị đánh giá hệ thống an ninh tàu biển theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

Chậm nhất sau 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành đánh giá.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài, tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), tổ chức nước ngoài.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đăng kiểm Việt Nam.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đăng kiểm Việt Nam.

- Cơ quan phối hợp: Không có.

1.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển, Giấy chứng nhận quốc tế tạm thời về an ninh tàu biển.

1.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 50.000 đồng/giấy;

- Phí kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển theo Bộ luật ISPS được quy định tại Điều 4 Thông tư số 246/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đề nghị phê duyệt kế hoạch an ninh tàu và đánh giá an ninh tàu biển.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 27/2011/TT-BGTVT ngày 14 tháng 04 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về Áp dụng sửa đổi, bổ sung năm 2002 của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974 ban hành kèm theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển;

- Thông tư số 03/2024/TT-BGTVT ngày 21 tháng 2 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2011/TT-BGTVT ngày 14 tháng 04 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về Áp dụng sửa đổi, bổ sung năm 2002 của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974 ban hành kèm theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển;

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Thông tư số 246/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển.

Mẫu Giấy đề nghị phê duyệt kế hoạch an ninh tàu và đánh giá an ninh tàu biển:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH AN NINH TÀU
VÀ ĐÁNH GIÁ AN NINH TÀU BIỂN
APPLICATION FOR SSP APPROVAL AND SHIPBOARD SECURITY AUDIT

Kính gửi/ To: Cục Đăng kiểm Việt Nam

Chúng tôi đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam phê duyệt Kế hoạch an ninh tàu biển SSP/ thực hiện đánh giá an ninh tàu biển theo yêu cầu của Bộ luật ISPS như chi tiết dưới đây:

We request Vietnam Register to carry out Ship Security Plan approval and Shipboard Security audit in accordance with ISPS Code requirements as mentioned below:

| | | |
|---|---|--|
| <input type="checkbox"/> Phê duyệt SSP <i>SSP Approval</i> | <input type="checkbox"/> Lần đầu/ <i>Initial SSP</i> | <input type="checkbox"/> Bổ sung sửa đổi/ <i>for amendment SSP</i> |
| <input type="checkbox"/> Đánh giá an ninh tàu <i>Shipboard Security Audit</i> | <input type="checkbox"/> Lần đầu/ <i>Initial</i> | <input type="checkbox"/> Trung gian/ <i>Intermediate</i> |
| | <input type="checkbox"/> Sơ bộ/ <i>Issuing Interim ISSC</i> | <input type="checkbox"/> Cấp mới/ <i>Renewal</i> |
| | <input type="checkbox"/> Bổ sung/ <i>Additional (lý do/for:)</i> | |
| | <input type="checkbox"/> Khắc phục/ <i>Follow up (lý do/for:)</i> | |
| Tàu <i>Ship</i> | Tên tàu/ <i>Ship name:</i> | Hồ hiệu/ <i>Call sign:</i> |
| | Loại tàu/ <i>Type:</i> | Số IMO/ <i>IMO No.:</i> |
| | Treo cờ/ <i>Flag:</i> | Số đăng ký/ <i>Official No.:</i> |
| | Cảng đăng ký/ <i>Port of Registry:</i> | Tổng dung tích/ <i>Gross Tonnage:</i> |
| | GCN ISSC (nếu có)/ <i>ISSC Cert. (if any):</i> | Năm đóng/ <i>Year of Build:</i> |
| Công ty <i>Company</i> | Tên Công ty/ <i>Company name:</i> | |
| | Số nhận dạng/ <i>Company IMO Number:</i> | |
| | Địa chỉ/ <i>Address:</i> | |
| | Telephone No.: | Fax No.: |
| | Cán bộ an ninh công ty/ <i>CSO:</i> GCN CSO (nếu có)/ <i>CSO Cert. (if any):</i> | |
| Dự kiến đánh giá <i>Audit Schedule</i> | Ngày/ <i>Date:</i> | |
| | Địa điểm/ <i>Place:</i> | |
| | Đại lý liên hệ/ <i>Name of Agent:</i> | |
| | Telephone No.: | Fax No.: |
| | | Email: |

Tổ chức chịu trách nhiệm thanh toán chi phí đánh giá và lệ phí cấp giấy chứng nhận:

All fees and expenses incurred in the above-mentioned audit and issue of certificate are paid by:

Công ty/*Company:*

Địa chỉ/*Address:*

Mã số thuế/*Tax Code:*

Telephone No.:

Fax No.:

Ngày/*Date:*

Đại diện Công ty/*Signature of Applicant*

Mẫu Giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển:Cục đăng kiểm Việt Nam
VIETNAM REGISTERCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

No.:

Giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển

International ship security certificate

Thừa ủy quyền của Chính phủ nước

Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt NamCục Đăng kiểm Việt Nam cấp theo các điều khoản của
bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển (bộ luật ISPS) và các sửa đổi bổ sung*Issued under the provisions of the**international code for the security of ships and of port facilities (ISPS code) as amended**Under the authority of the Government of the **SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**
by VIETNAM REGISTER*

Tên tàu:

Name of ship

Số đăng ký hoặc hô hiệu:

Distinctive number or letters

Cảng đăng ký:

Port of registry

Loại tàu:

Type of ship

Tổng dung tích:

Gross tonnage

Số IMO:

IMO Number

Tên và địa chỉ Công ty:

Name and address of the Company

Số nhận dạng của Công ty:

*Company Identification Number***Chứng nhận rằng:**

1. hệ thống an ninh và mọi thiết bị an ninh liên quan của tàu đã được thẩm tra phù hợp với mục 19.1, phần A của Bộ luật ISPS và các sửa đổi bổ sung;
2. quá trình thẩm tra cho thấy hệ thống an ninh và mọi thiết bị an ninh liên quan của tàu hoàn toàn thoả mãn các yêu cầu của chương XI-2 của Công ước SOLAS 1974 và phần A của Bộ luật ISPS và các sửa đổi bổ sung;
3. kế hoạch an ninh tàu đã được duyệt có sẵn trên tàu.

THIS IS TO CERTIFY:

1. that the security system and any associated security equipment of the ship has been verified in accordance with section 19.1 of part A of the ISPS Code as amended;
2. that the verification showed that the security system and any associated security equipment of the ship is in all respects satisfactory and that the ship complies with the applicable requirements of chapter XI-2 of the Convention and part A of the ISPS Code as amended;
3. that the ship is provided with an approved ship security plan.

Giấy chứng nhận này được cấp dựa trên kết quả Thẩm tra Lần đầu ngày

Date of ~~initial~~ Verification on which this Certificate is based:

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến , với điều kiện phải được kiểm tra xác nhận

*This Certificate is valid until**, subject to verifications in accordance with*

theo mục 19.1.1 phần A của Bộ luật ISPS và sửa đổi bổ sung.

*section 19.1.1 of part A of the ISPS Code as amended.*Cấp tại: **Hanoi, Vietnam***Issued at*

Ngày cấp:

*Date of issue***Cục đăng kiểm Việt Nam**

Vietnam register

Xác nhận thẩm tra trung gian
endorsement for intermediate verification

Chứng nhận rằng tại lần thẩm tra trung gian theo yêu cầu của mục 19.1.1 phần A Bộ luật ISPS, tàu đã thỏa mãn các điều khoản liên quan của chương XI-2 của Công ước SOLAS 1974 và phần A của Bộ luật ISPS và sửa đổi bổ sung.

THIS IS TO CERTIFY that at an intermediate verification required by section 19.1.1 of part A of the ISPS Code the ship was found to comply with the relevant provisions of chapter XI-2 of the Convention and part A of the ISPS Code as amended.

Thẩm tra trung gian

InTERMeDIATE verification

phải được thực hiện trong khoảng từ ngày
to be completed between

đến ngày
and

Cục đăng kiểm Việt Nam
Vietnam register

Nơi kiểm tra:

Place

Ngày:

Date

Xác nhận Thẩm tra bổ sung
endorsement for additional verifications

thẩm tra bổ sung

ADDITIONAL verification

Nơi kiểm tra:

Place

Ngày:

Date

Cục đăng kiểm việt nam
Vietnam register

thẩm tra bổ sung

ADDITIONAL verification

Nơi kiểm tra:

Place

Ngày:

Date

Cục đăng kiểm việt nam
Vietnam register

thẩm tra bổ sung

ADDITIONAL verification

Nơi kiểm tra:

Place

Ngày:

Date

Cục đăng kiểm việt nam
Vietnam register

Thẩm tra bổ sung theo phần A/19.3.7.2 của bộ luật ISPS
 additional verification in accordance with section A/19.3.7.2 of the ISPS code

Chứng nhận rằng tại lần thẩm tra bổ sung theo yêu cầu của mục 19.3.7.2 phần A Bộ luật ISPS, tàu đã thỏa mãn các điều khoản liên quan của chương XI-2 Công ước SOLAS 1974 và phần A của Bộ luật ISPS và sửa đổi bổ sung.

***THIS IS TO CERTIFY** that at an additional verification required by section 19.3.7.2 of part A of the ISPS Code the ship was found to comply with the relevant provisions of chapter XI-2 of the Convention and part A of the ISPS Code as amended.*

thẩm tra bổ sung
 ADDITIONAL verification

Cục đăng kiểm việt nam
 Vietnam register

Nơi kiểm tra:
Place

Ngày:
Date

Xác nhận gia hạn giấy chứng nhận nếu thời hạn dưới 5 năm
Theo phần A/19.3.3 của bộ luật ISPS
 endorsement to extend the certificate if valid for less than 5 years
 where section A/19.3.3 of the ISPS code applies

Tàu thỏa mãn các điều khoản liên quan của phần A, Bộ luật ISPS và theo yêu cầu của mục 19.3.3 phần A,
The ship complies with the relevant provisions of part A of the ISPS Code, and the Certificate shall, in accordance with section 19.3.3 of part A

Bộ luật ISPS, giấy chứng nhận này được gia hạn đến:
of the ISPS Code, be accepted as valid until

Cục đăng kiểm việt nam
 Vietnam register

Nơi gia hạn:
Place

Ngày:
Date

Xác nhận khi hoàn tất thẩm tra cấp mới và áp dụng phần A/19.3.4
của bộ luật ISPS
 endorsement where the renewal verification has been completed and section A/19.3.4
 of the ISPS code applies

Tàu thỏa mãn các điều khoản liên quan của phần A, Bộ luật ISPS và theo yêu cầu của mục 19.3.4 phần A,
The ship complies with the relevant provisions of part A of the ISPS Code, and the Certificate shall, in accordance with section 19.3.4 of part A

Bộ luật ISPS, giấy chứng nhận này được gia hạn đến:
of the ISPS Code, be accepted as valid until

Cục đăng kiểm việt nam
 Vietnam register

Nơi gia hạn:
Place

Ngày:
Date

Xác nhận gia hạn hiệu lực của giấy chứng nhận tới khi tàu tới cảng thẩm tra theo phần A/19.3.5 của bộ luật isps hoặc gia hạn theo phần A/19.3.6 của bộ luật ISPS

endorsement to extend the validity of the certificate until reaching the port of verification where section A/19.3.5 of the isps code applies or for a period of grace where section A/19.3.6 of the ISPS code applies

Giấy chứng nhận này, theo yêu cầu của mục 19.3.5/19.3.6* phần A, Bộ luật ISPS, được gia hạn đến:
This Certificate shall, in accordance with section 19.3.5/19.3.6 of part A of the ISPS Code, be accepted as valid until*

Nơi gia hạn:
Place
 Ngày:
Date

Cục đăng kiểm Việt Nam
 Vietnam register

Xác nhận thay đổi ngày hết hạn theo phần A/19.3.7.1 của bộ luật ISPS
 endorsement for advancement of expiry date where section A/19.3.7.1 of the ISPS code applies

Theo yêu cầu của mục 19.3.7.1 phần A, Bộ luật ISPS, ngày hết hạn mới[†] là :
In accordance with section 19.3.7.1 of part A of the ISPS Code, the new expiry date[†] is

Địa điểm:
Place
 Ngày:
Date

Cục đăng kiểm việt nam
 Vietnam register

* Gạch bỏ phần không liên quan.
Delete as appropriate.

† Chú ý sửa đổi ngày hết hạn ở trang đầu cho phù hợp.
The expiry date shown on front of the certificate shall also be amended accordingly.

Mẫu Giấy chứng nhận quốc tế tạm thời về an ninh tàu biển:Cục đăng kiểm Việt Nam
VIETNAM REGISTERCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

No.:

Giấy chứng nhận quốc tế tạm thời về an ninh tàu biển
Interim International ship security certificate

Thừa ủy quyền của Chính phủ nước
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam
Cục Đăng kiểm Việt nam cấp theo các điều khoản của
bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển (bộ luật ISPS) Và Các Sửa Đổi bổ sung
Issued under the provisions of the
international code for the security of ships and of port facilities (ISPS code) as amended
Under the authority of the Government of the **SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**
by **VIETNAM REGISTER**

Tên tàu:
Name of ship
Số đăng ký hoặc hô hiệu:
Distinctive number or letters
Cảng đăng ký:
Port of registry
Loại tàu:
Type of ship
Tổng dung tích:
Gross tonnage
Số IMO:
IMO Number
Tên và địa chỉ Công ty:
Name and address of the Company

Số nhận dạng của Công ty:
Company Identification Number
Đây là giấy chứng nhận tạm thời cấp lần đầu
This is the initial interim certificate

Chứng nhận rằng các yêu cầu của phần A/19.4.2, Bộ luật ISPS đã được tuân thủ.
THIS IS TO CERTIFY THAT the requirements of section A/19.4.2 of the ISPS Code have been complied with.

Giấy chứng nhận này được cấp theo phần A/19.4 của Bộ luật ISPS và sửa đổi bổ sung.
This Certificate is issued pursuant to section A/19.4 of the ISPS Code as amended.

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến
This Certificate is valid until

Cấp tại: **Hanoi, Vietnam**
Issued at
Ngày cấp:
Date of issue

Cục đăng kiểm Việt Nam
Vietnam register

*Gạch bỏ khi cần
Delete as appropriate

2. Phê duyệt kế hoạch an ninh tàu biển theo Bộ luật Quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển (Bộ luật ISPS)

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Công ty tàu biển nộp hồ sơ cho Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ; nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì trong 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, hướng dẫn cho Công ty tàu biển để hoàn thiện hồ sơ.

- Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành soát xét Kế hoạch an ninh tàu biển, nếu Kế hoạch an ninh tàu biển không đáp ứng yêu cầu của Bộ luật ISPS thì thông báo cho Công ty tàu biển bổ sung hoàn thiện; nếu đáp ứng thì chậm nhất sau 01 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành việc soát xét Kế hoạch an ninh tàu biển, Cục Đăng kiểm Việt Nam phê duyệt Kế hoạch an ninh tàu biển và cấp một Chứng thư phê duyệt theo mẫu.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc

- Qua hệ thống bưu chính.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- 01 Giấy đề nghị phê duyệt Kế hoạch an ninh tàu biển theo mẫu;

- 01 bản chính Kế hoạch an ninh tàu biển.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

Phê duyệt Kế hoạch an ninh tàu biển và cấp Chứng thư phê duyệt chậm nhất sau 01 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành việc soát xét Kế hoạch an ninh tàu biển.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), tổ chức nước ngoài, hợp tác xã.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Đăng kiểm Việt Nam.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đăng kiểm Việt Nam.

- Cơ quan phối hợp: Không có.

2.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Chứng thư phê duyệt kế hoạch an ninh tàu biển.

2.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 50.000 đồng/giấy;

- Phí kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển theo Bộ luật ISPS được quy định tại Điều 4 Thông tư số 246/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đề nghị phê duyệt kế hoạch an ninh tàu biển và đánh giá an ninh tàu biển.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 27/2011/TT-BGTVT ngày 14 tháng 04 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về Áp dụng sửa đổi, bổ sung năm 2002 của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974 ban hành kèm theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển;

- Thông tư số 03/2024/TT-BGTVT ngày 21 tháng 2 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2011/TT-BGTVT ngày 14 tháng 04 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về Áp dụng sửa đổi, bổ sung năm 2002 của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974 ban hành kèm theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển;

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Thông tư số 246/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển.

Mẫu Giấy đề nghị phê duyệt kế hoạch an ninh tàu và đánh giá an ninh tàu biển:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH AN NINH TÀU
VÀ ĐÁNH GIÁ AN NINH TÀU BIỂN
APPLICATION FOR SSP APPROVAL AND SHIPBOARD SECURITY AUDIT

Kính gửi/ To: Cục Đăng kiểm Việt Nam

Chúng tôi đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam phê duyệt Kế hoạch an ninh tàu biển SSP/ thực hiện đánh giá an ninh tàu biển theo yêu cầu của Bộ luật ISPS như chi tiết dưới đây:

We request Vietnam Register to carry out Ship Security Plan approval and Shipboard Security audit in accordance with ISPS Code requirements as mentioned below:

| | | |
|---|---|--|
| <input type="checkbox"/> Phê duyệt SSP <i>SSP Approval</i> | <input type="checkbox"/> Lần đầu/ <i>Initial SSP</i> | <input type="checkbox"/> Bổ sung sửa đổi/ <i>for amendment SSP</i> |
| <input type="checkbox"/> Đánh giá an ninh tàu <i>Shipboard Security Audit</i> | <input type="checkbox"/> Lần đầu/ <i>Initial</i> | <input type="checkbox"/> Trung gian/ <i>Intermediate</i> |
| | <input type="checkbox"/> Sơ bộ/ <i>Issuing Interim ISSC</i> | <input type="checkbox"/> Cấp mới/ <i>Renewal</i> |
| | <input type="checkbox"/> Bổ sung/ <i>Additional (lý do/for:)</i> | |
| | <input type="checkbox"/> Khắc phục/ <i>Follow up (lý do/for:)</i> | |
| Tàu <i>Ship</i> | Tên tàu/ <i>Ship name:</i> | Hồ hiệu/ <i>Call sign:</i> |
| | Loại tàu/ <i>Type:</i> | Số IMO/ <i>IMO No.:</i> |
| | Treo cờ/ <i>Flag:</i> | Số đăng ký/ <i>Official No.:</i> |
| | Cảng đăng ký/ <i>Port of Registry:</i> | Tổng dung tích/ <i>Gross Tonnage:</i> |
| | GCN ISSC (nếu có)/ <i>ISSC Cert. (if any):</i> | Năm đóng/ <i>Year of Build:</i> |
| Công ty <i>Company</i> | Tên Công ty/ <i>Company name:</i> | |
| | Số nhận dạng/ <i>Company IMO Number:</i> | |
| | Địa chỉ/ <i>Address:</i> | |
| | Telephone No.: | Fax No.: |
| | Cán bộ an ninh công ty/ <i>CSO:</i> GCN CSO (nếu có)/ <i>CSO Cert. (if any):</i> | |
| Dự kiến đánh giá <i>Audit Schedule</i> | Ngày/ <i>Date:</i> | |
| | Địa điểm/ <i>Place:</i> | |
| | Đại lý liên hệ/ <i>Name of Agent:</i> | |
| | Telephone No.: | Fax No.: |
| | | Email: |

Tổ chức chịu trách nhiệm thanh toán chi phí đánh giá và lệ phí cấp giấy chứng nhận:

All fees and expenses incurred in the above-mentioned audit and issue of certificate are paid by:

Công ty/*Company:*

Địa chỉ/*Address:*

Mã số thuế/*Tax Code:*

Telephone No.:

Fax No.:

Ngày/*Date:*

Đại diện Công ty/*Signature of Applicant*

Mẫu Chứng thư phê duyệt:Cục đăng kiểm Việt Nam
VIETNAM REGISTERCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

No.:

Chứng thư phê duyệt
Approval letter

Thừa ủy quyền của Chính phủ nước
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam
Cục Đăng kiểm Việt nam cấp theo các điều khoản của
bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển (bộ luật ISPS) và các sửa đổi bổ sung
Issued under the provisions of the
international code for the security of ships and of port facilities (ISPS code) as amended
*Under the authority of the Government of the **SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM***
by VIETNAM REGISTER

Tên tàu:

Name of ship

Loại tàu:

Type of ship

Tổng dung tích:

Gross tonnage

Số IMO:

IMO Number

Tên và địa chỉ Công ty:

*Name and address of Company***xác nhận rằng:**

4. **Kế hoạch an ninh** của tàu nêu trên, ban hành ngày , đã được xem xét theo các yêu cầu của chương 9, phần A của Bộ luật ISPS và các sửa đổi bổ sung;
5. **Kế hoạch an ninh** này đã được xây dựng phù hợp với các yêu cầu liên quan trong phần A của Bộ luật ISPS và các sửa đổi bổ sung;
6. Trong quá trình xây dựng **Kế hoạch an ninh** này, các yêu cầu từ 8.1 đến 13.8 trong phần B của Bộ luật ISPS đã được xem xét và áp dụng một cách thích hợp.

THIS IS TO CERTIFY THAT:

4. *the Ship Security Plan for the above mentioned ship, issued on , has been reviewed in accordance with the Section 9 of part A of the ISPS Code as amended;*
5. *the Ship Security Plan has been developed in accordance with the relevant requirements of part A of the ISPS Code as amended;*
6. *in the development of the Ship Security Plan, the provisions of ISPS Code B/8.1 to B/13.8 have been duly taken into account and applied as appropriate for the ship.*

Chứng thư này chỉ có giá trị nếu đi kèm với bản Kế hoạch an ninh tàu đã được đóng dấu phê duyệt.

*This Letter is valid only when accompanied by a stamped copy of the Ship Security Plan.*Cấp tại: **Hanoi, Vietnam***Issued at*

Ngày cấp:

*Date of issue***Cục đăng kiểm Việt Nam**
Vietnam register